

Thọ Xuân, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Số: 69/2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hương - sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Trần Văn Chính - Sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 4, xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Điều 55, khoản 1 Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hương

Bị đơn: Anh Trần Văn Chính

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Hương và anh Trần Văn Chính xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên thuận tình ly hôn.

Về con: Chị Bùi Thị Hương và anh Trần Văn Chính thống nhất vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Trần Văn Quân sinh ngày 18/01/2007 và cháu Trần

Thị Trà My sinh ngày 30/6/2009. Hai anh chị thống nhất thỏa thuận: Chị Bùi Thị Hương trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung; Anh Trần Văn Chính tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 1.000.000 đ/tháng. Hai cháu là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 03/2018 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Hai bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không bên nào được cản trở.

Về tài sản: Chị Bùi Thị Hương và anh Trần Văn Chính thống nhất: Vợ chồng không có tài sản gì có giá trị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị Bùi Thị Hương và anh Trần Văn Chính thống nhất: Vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị Hương và anh Trần Văn Chính thống nhất thỏa thuận: Chị Hương chịu trách nhiệm nộp cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hương đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000781 ngày 26/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Hương được nhận lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc anh Trần Văn Chính phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí DSST đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thọ Xuân
- Cơ quan đó thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Đăng Tuấn

